TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Khắc Quyết.
2. Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2017, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983, địa chỉ: Tổ N, phường M, quận Đ, Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ngô Quang T, sinh năm 1978, địa chỉ: Tổ N, phường M, quận Đ, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 02-3-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Ngô Quang T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng (Nay là phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống cùng với bố mẹ của anh T tại tổ dân phố N, phường M, quận Đ. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2013. Sau khi chị sinh con thứ hai là

cháu Q.A, chị và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm, cách nghĩ và lối sống. Đến năm 2015, anh T bỏ nhà đi làm ăn ở xa, không cho chị biết là đang ở đâu và làm gì. Từ đó đến nay, anh T không về thăm nhà và cũng không liên lạc với chị, nhưng chị được biết anh T thường xuyên có liên lạc với bố mẹ đẻ của anh, chị có hỏi về thông tin của anh T nhưng bố mẹ anh từ chối không cung cấp. Việc nuôi dạy con do chị và bố mẹ anh T thực hiện. Chị thấy, anh T đã không còn quan tâm và không có trách nhiệm gì với vợ con, cuộc sống vợ chồng cũng đã không còn tồn tại nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Ngô Quang Đ, sinh ngày 03-9-2005 và Ngô Q.A, sinh ngày 08-11-2013. Chị đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh T theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã triệu tập anh T nhiều lần, nhưng anh T vẫn không đến Tòa tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không có bản tự khai của anh T. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh T và địa phương, cho thấy: Anh T đang sinh sống ở Việt Nam và thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú.

Do anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ vắng mặt anh T theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T; đề nghị Tòa án giao cháu Đ và cháu Q.A cho chị nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao cháu Đ và cháu Q.A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của anh Ngô Quang T: Tại phiên tòa ngày 25-8-2017, anh T vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa, thông báo cho anh T biết về việc hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh T cư trú tại Tổ N, phường M, quận Đ, Hải Phòng; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn.

[3]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng (Nay là phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng). Theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Trong quá trình hôn nhân, sau khi chị T sinh con thứ hai, tình cảm giữa chị T và anh T luôn bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc. Từ đầu năm 2015, anh T đã bỏ nhà đi làm ăn ở xa và cố tình giấu địa chỉ, không còn quan tâm, liên lạc gì với chị T. Có thể thấy, lời khai của chị T trong quá trình tham gia tố tụng là đúng. Tuy anh T không có bản tự khai gửi Tòa án, không tham gia tố tụng, nhưng thông qua bố đẻ của anh T là ông Ngô Quang M, anh T thể hiện quan điểm đồng ý việc chị T xin ly hôn với anh. Hội đồng xét xử xác định, hôn nhân của chị T và anh T đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không còn tồn tại nên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Ngô Quang Đ, sinh ngày 03-9-2005 và Ngô Q.A, sinh ngày 08-11-2013. Từ khi chị T và anh T ly thân cho đến nay, chị T cùng bố và mẹ đẻ của anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy dỗ các cháu. Anh T cũng đã thể hiện quan điểm thông qua ông M là để chị T nuôi một con. Tại Đơn đề nghị ghi ngày 09-5-2017, cháu Đ nêu nguyện vọng được ở cùng với bố sau khi bố, mẹ ly hôn. Chị T yêu cầu được nuôi cả hai con sau khi ly hôn. Xét yêu cầu của chị T và nguyện vọng của cháu Đ, tuy cháu Đ có nguyện vọng được ở với anh T, nhưng thực tế anh T không ở nhà nên không thể

trực tiếp nuôi con. Do vậy, để đảm bảo về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho cháu Đ, cần tiếp tục giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng; nếu trong trường hợp anh T trở về và có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì anh T có quyền đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo luật định. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con chung, giao cháu Đ và cháu Q.A cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T, cho ly hôn giữa chị T và anh Ngô Quang T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Quang Đ, sinh ngày 03-9-2005 và cháu Ngô Q.A, sinh ngày 08-11-2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi chị T và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số AA/2010/7198 ngày 22-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Năm